

NHỮNG NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN BIẾN ĐỘNG DÂN SỐ TỈNH ĐẮK LẮK GIAI ĐOẠN 2000 – 2012

PHẠM THỊ THẢO*

TÓM TẮT

Đắk Lắk là một tỉnh có dân số đông, đứng thứ nhất khu vực Tây Nguyên và thứ tám cả nước (năm 2012). Trong những năm qua, nền kinh tế của tỉnh đã có những chuyển biến tích cực; trình độ dân trí, chất lượng cuộc sống ngày càng được nâng cao; kết hợp với việc sử dụng hiệu quả các chính sách dân số đã làm cho dân số tỉnh có nhiều biến động cả về quy mô, cơ cấu và phân bố dân cư.

Từ khóa: dân số, biến động dân số, nhân tố kinh tế - xã hội, Đắk Lắk.

ABSTRACT

*The factor are influencing the population change of Daklak province
from 2000 to 2012*

Dak Lak is a crowded province which ranks first in the highland area and eighth in Vietnam (2012). For a long time, it's domestic economy has some positive changes. The intellectual level of people and the living standard have constantly been raised. For adopting effective population policies, the population here has witnessed many changes in terms of structure, scale and distribution.

Keywords: population, population change, socio-economic factor, DakLak.

1. Đặt vấn đề

Đắk Lắk là một tỉnh nằm ở trung tâm của khu vực Tây Nguyên, có vị trí chiến lược quan trọng về kinh tế cũng như an ninh quốc phòng. Sự phát triển của tỉnh trong những năm gần đây đã giúp nâng cao vị thế của tỉnh. Trong tương lai không xa, tỉnh sẽ trở thành trung tâm kinh tế, văn hóa của khu vực.

Thời gian vừa qua, biến động dân số đã có ảnh hưởng nhất định đến sự phát triển kinh tế - xã hội như: thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, thu nhập, nguồn lao động tăng cả về số lượng và chất lượng, đời sống người dân được nâng cao, kéo theo những thay đổi về nhu cầu giáo dục, y tế, văn hóa... Nếu như trước năm 2000, biến

động dân số còn phụ thuộc nhiều vào các nhân tố tự nhiên, chất lượng dân số thấp, thì ở giai đoạn này, các nhân tố kinh tế - xã hội đã làm dân số của tỉnh thay đổi theo chiều hướng tích cực: tốc độ gia tăng dân số giảm, tỉnh đang bước vào thời kì “dân số vàng”, trình độ văn hóa tăng lên...

Vì vậy, nghiên cứu sự biến động dân số và những nhân tố ảnh hưởng đến sự biến động đó có ý nghĩa quan trọng trong việc đề ra và thực hiện những chiến lược phát triển kinh tế, y tế, văn hóa, giáo dục...

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Hiện trạng biến động dân số tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2000 – 2012

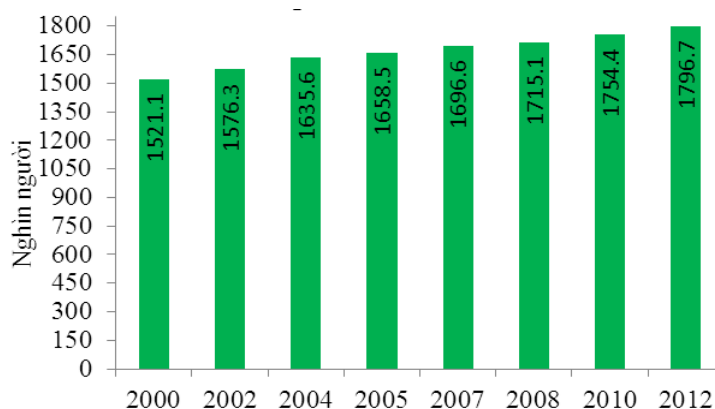
* HVCH, Trường Đại học Sư phạm TPHCM; Email: phamthao.spdl@gmail.com

2.1.1. Biến động quy mô dân số

Tính từ năm 2000 đến 2012, quy mô dân số Đắk Lắk tăng từ 1.521.075 người lên đến 1.796.666 người, trong 12

năm tăng 275.591 người. Trung bình mỗi năm dân số Đắk Lắk tăng khoảng 22.966 người, với tốc độ tăng dân số khoảng 1,5%/năm (xem biểu đồ 1).

Biểu đồ 1. Quy mô dân số Đắk Lắk giai đoạn 2000-2012



Quy mô dân số tăng, nhưng tốc độ tăng dân số giảm, có được điều này là do tỉnh đã chủ trương thực hiện chính sách kế hoạch hóa gia đình, tuyên truyền phổ biến, giáo dục sức khỏe sinh sản. Mặt khác, chất lượng cuộc sống của người dân ngày càng được tăng cao đã làm cho tâm lý và nhu cầu sinh nhiều con giảm rõ rệt, tuổi thọ trung bình cũng tăng lên.

Đắk Lắk là tỉnh có quy mô dân số lớn nhất khu vực Tây Nguyên, chiếm 1/3 dân số của khu vực, cao gấp 3,9 lần dân số tỉnh Kon Tum (462,4 nghìn người) và gấp 3,3 lần dân số tỉnh Đắk Nông (543,2 nghìn người). Dân số Đắk Lắk chiếm 2,02% dân số cả nước và có dân số đông thứ 8 trong tổng số 63 tỉnh thành.

Quy mô hộ gia đình cũng có xu hướng giảm, số hộ độc thân (1 người) tăng lên, tuy nhiên với tỉ lệ thấp (năm 2012: 4,3%). Quy mô gia đình nhỏ (hộ có 4 người trở xuống) đang dần chiếm tỉ trọng lớn và chiếm trên 50% (năm 2012:

64,1%). Năm 2000, số hộ từ 5 người trở lên là 53,5% nhưng đến năm 2012 chỉ còn 31,7%.

Quy mô dân số thành thị và nông thôn có sự khác nhau. Tỉ lệ dân thành thị chiếm tỉ trọng nhỏ trong cơ cấu dân số, dân thành thị có xu hướng tăng lên, nhưng mức tăng rất chậm. Năm 2000, tỉ lệ dân thành thị là: 25,57%; năm 2012, tỉ lệ dân thành thị là 24,06%, tỉ lệ dân nông thôn là 75,94%.

2.1.2. Biến động cơ cấu dân số

• Cơ cấu giới tính

Cơ cấu giới tính toàn tỉnh hiện đang ở mức trung bình và gần như không có sự biến động. Năm 2000, nữ chiếm 49,56%, nam chiếm 50,44%; năm 2012, mức chênh lệch này không đáng kể, nam tăng 0,02% (50,46%), nữ là 49,54%. Mức chênh lệch cao nhất là năm 2005, chênh lệch 2,4%.

Tỉ số giới tính chung của toàn bộ dân số năm 2012 là 101,86 nam/nữ, cao

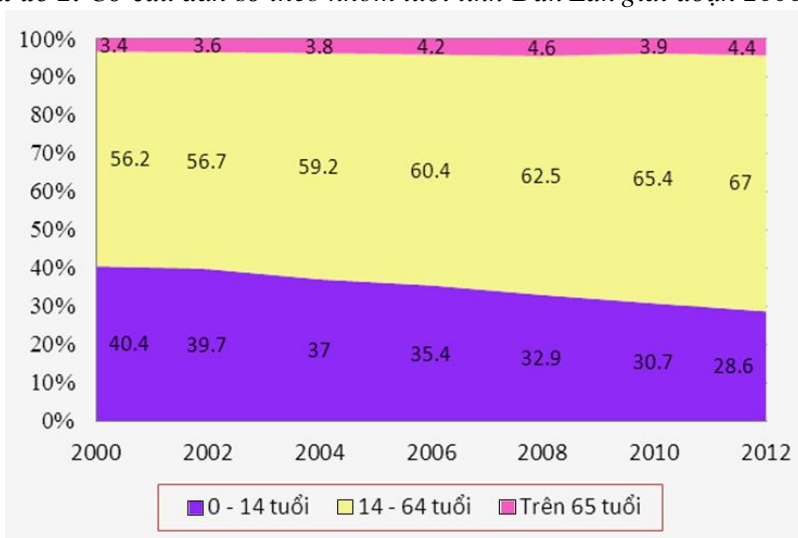
hơn mức bình quân của cả nước (cả nước năm 2012: 97,9 nam/nữ), và đã tăng so với năm 2000 nhưng mức tăng không nhiều (năm 2000, tỉ số giới tính chung là 101,77 nam/nữ).

Tỉ số giới tính có sự khác biệt giữa thành thị và nông thôn, tỉ số giới tính của thành thị đang có xu hướng giảm. Năm 2000, tỉ số giới tính thành thị là 103,12

nam/nữ; đến năm 2012, chỉ còn 96,43. Trong khi đó, tỉ số giới tính nông thôn có biến động mạnh nhưng nhìn chung là tăng. Năm 2000, tỉ số giới tính nông thôn là 100,37 nam/nữ; năm 2012: 103,66; cao nhất là giai đoạn 2005 – 2008, lên đến 105,77.

- Cơ cấu tuổi (xem biểu đồ 2)

Biểu đồ 2. Cơ cấu dân số theo nhóm tuổi tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2000-2012



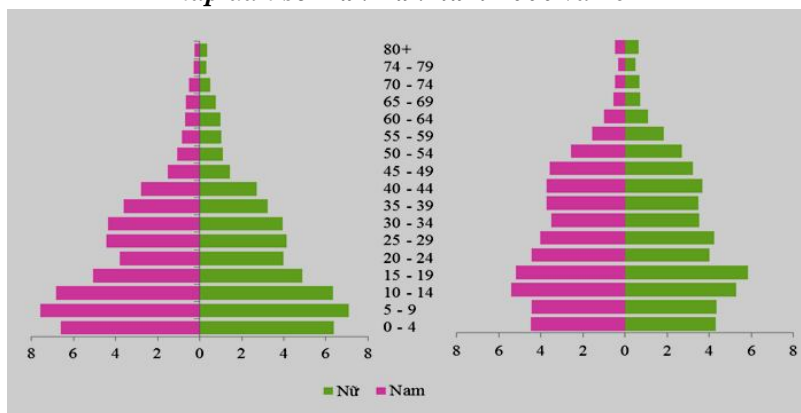
- Cơ cấu theo khoảng cách không đều nhau:

Tỉ trọng nhóm từ 0 – 14 tuổi liên tục giảm, năm 2012 giảm xuống còn 28,6%. Dân số trong độ tuổi lao động tăng nhanh, năm 2000 là 56,2%, năm 2012: 67%. Dân số trên 65 tuổi tăng và có nhiều biến động, giai đoạn 2000 đến 2012 tăng từ 3,4% lên 3,6%.

- Cơ cấu dân số theo nhóm 5 tuổi:

Qua 12 năm, dân số và cơ cấu dân số tất cả các nhóm tuổi đều thay đổi theo hướng giảm nhanh số lượng dân số ở các độ tuổi dưới 15, tăng ở các độ tuổi từ 15 tuổi trở lên. Đặc biệt nhóm tuổi 20 – 24, 24 – 29 tăng nhanh và là 2 nhóm có số dân đông nhất. Năm 2012, nhóm 20 – 24 có 150.990 người, nhóm 24 – 29 có 147.376 người, lần lượt chiếm 8,4% và 8,2% dân số toàn tỉnh.

Tháp dân số Đăk Lăk năm 2000 và 2012



- *Cơ cấu xã hội*

- *Cơ cấu theo lao động*

Dân số trong độ tuổi lao động chiếm tỉ lệ lớn và có xu hướng tăng lên. Với tỉ lệ như vậy, nguồn lao động của Đăk Lăk là khoảng hơn 1 triệu người. Đây là lực lượng lao động dồi dào cho các hoạt động kinh tế.

Lực lượng lao động tập trung chủ yếu ở khu vực nông thôn. Năm 2012, lao động thành thị chiếm 23,5%, trong khi đó, lao động nông thôn chiếm tới 76,5% (gấp 3,25 lần lao động thành thị).

Lao động tham gia vào khu vực I chiếm tỉ lệ lớn nhất và có xu hướng giảm, trong khi lao động trong khu vực II chiếm tỉ lệ nhỏ và ít biến động, khu vực III tăng nhẹ. Năm 2012, tỉ lệ lao động đang làm việc trong các ngành kinh tế như sau: nông – lâm – ngư nghiệp: 68,2%, công nghiệp – xây dựng: 12,7%, dịch vụ: 19,1%.

- *Cơ cấu dân số theo tình trạng biết đọc – viết*

Tỉ lệ dân số 15 tuổi trở lên biết chữ trong những năm qua đã được cải thiện

nhanh chóng. Kết quả điều tra dân số năm 2012 cho thấy tỉ lệ biết chữ là 94,6%, trong khi năm 2000, tỉ lệ biết chữ người lớn chỉ chiếm 35,2%. Đó là một thành tựu thiết thực trong công tác xóa mù chữ cho nhân dân. Với kết quả đó, tỉ lệ người lớn biết chữ của Đăk Lăk đã xấp xỉ với tỉ lệ của toàn quốc (94,7%), và đứng đầu vùng Tây Nguyên (92,1%).

Tuy nhiên, tỉ lệ biết chữ có sự chênh lệch giữa khu vực nông thôn – thành thị, khu vực thành thị 97,4%, khu vực nông thôn 93,7%; mức chênh lệch này được rút ngắn lại qua các năm.

- *Cơ cấu dân tộc*

Theo số liệu năm 2012, Đăk Lăk có 48 dân tộc sinh sống, trong đó dân tộc Kinh chiếm tỉ lệ chủ yếu với 65,1% (năm 2012), dân tộc Ê-Đê chiếm 17,2%, tiếp đến là dân tộc Nùng chiếm 4,1%, Tày 2,9%, Mnông 2,3%... Một số dân tộc khác có số lượng rất ít, chỉ vài người như La Hủ, La Ha, Công, Si La...

2.1.3. Phân bố dân cư

Trong 12 năm qua, dân số các huyện, thị có sự thay đổi. Đặc biệt là năm

2007, huyện Krông Ana được tách ra thành huyện Krông Ana và Cư Kuin; năm 2009, tiếp tục tách huyện Krông Búk thành huyện Krông Búk và thị xã Buôn Hồ.

Bên cạnh đó, tỉnh cũng có chính sách di dân đến các xã mới thành lập, những xã vùng sâu vùng xa, vùng biên giới để thực hiện mục tiêu kinh tế và an ninh quốc gia.

Mật độ dân số tỉnh Đắk Lắk từ năm 2000 – 2012 nhìn chung có xu hướng tăng nhưng mức tăng không đáng kể qua các năm. Mức tăng từ 116 người/km² năm 2000 lên 137 người/km² năm 2012. Phân bố dân cư không đồng đều giữa các huyện. Khu vực có mật độ dân số cao tập trung chủ yếu ở thành phố Buôn Ma Thuột, thị xã Buôn Hồ, huyện Cư Kuin. Chênh lệch giữa huyện thị có mật độ cao nhất và thấp nhất là 25 lần.

Với mật độ 137 người/km², Đắk Lắk là một trong những tỉnh có mật độ dân số thấp so với các tỉnh khác trên cả nước (46/63 tỉnh thành), thấp hơn mật độ chung của cả nước (cả nước là 268

người/km²), tuy nhiên mật độ của tỉnh cao hơn mật độ chung của khu vực Tây Nguyên và là tỉnh có mật độ dân số cao nhất khu vực.

2.2. Các nhân tố ảnh hưởng tới biến động dân số tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2000 - 2012

Không phủ nhận những ảnh hưởng của vị trí địa lý cũng như điều kiện tự nhiên, nhưng biến động dân số trong thời gian qua chủ yếu do những nhân tố kinh tế - xã hội.

2.2.1. Sự phát triển của nền kinh tế

- Tính chất của nền kinh tế

Thực hiện đường lối đổi mới của Đảng và Nhà nước, trong những năm qua, kinh tế của tỉnh đã có nhiều chuyển biến, đạt tốc độ tăng trưởng khá cao. Trong giai đoạn 2000 – 2012, quy mô GDP không ngừng tăng lên, từ 4030 tỉ đồng lên đến 44.496 tỉ đồng. Nhờ quy mô GDP tăng nhanh nên thu nhập bình quân đầu người trong suốt giai đoạn đã tăng gấp 9,39 lần, khoảng cách so với mức trung bình của cả nước đang ngày càng ngắn dần.

Bảng 1. GDP và GDP/người tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2000 – 2012

Năm	2000	2004	2008	2012
GDP (tỉ đồng, giá thực tế)	4.030	6.765	20.112	44.496
GDP/người/năm (triệu đồng)	2,65	4,13	11,73	24,88
GDP/người so với trung bình của cả nước (%)	46,57	47,09	61,76	67,33

Nguồn: Xử lý từ [1]

Cơ cấu kinh tế đã có chuyển biến nhưng còn chậm, trung bình trong giai đoạn 2000 – 2012, tỉ trọng khu vực I giảm 6,77%, khu vực II tăng 5,44%, khu vực III giảm 1,83%. Sản xuất nông nghiệp vẫn là ngành chủ chốt và luôn được coi là thế mạnh của tỉnh, thu hút đến 68,2% lao động của tỉnh (năm 2012), đóng góp 52,39 % vào GDP hàng năm (năm 2012).

- *Trình độ công nghiệp hóa, đô thị hóa*

Có vai trò đáng kể trong việc giảm mức sinh, môi trường công nghiệp hóa và đô thị hóa luôn đòi hỏi lao động có chất lượng và trình độ kỹ thuật cao. Việc nuôi dưỡng và đầu tư cho con cái tương đối tốn kém. Vì thế cha mẹ không muốn sinh nhiều con. Điều này giải thích tại sao thành phố Buôn Ma Thuột và một số huyện phát triển như Eakar, Buôn Hồ có tỉ suất sinh thấp hơn so với các huyện khác.

Đắk Lắk là tỉnh có thế mạnh về nông, lâm nghiệp, nên trong suốt giai đoạn 2000 – 2012, tỉ trọng ngành công nghiệp tăng không đáng kể, thu ngân sách ngành công nghiệp là: 5604 tỉ đồng, chiếm 16,34%. Quá trình công nghiệp hóa của tỉnh còn chậm, tuy nhiên, ngành công nghiệp cũng đã đạt được những thành tựu đáng kể. Tỉnh đã phát triển các ngành công nghiệp chế biến gắn liền với hoạt động nông nghiệp, xây dựng các xí nghiệp vừa và nhỏ. Hiện nay, toàn tỉnh có 1 khu công nghiệp (khu công nghiệp Hòa Phú) và 8 cụm công nghiệp đang hoạt động với tổng diện tích 593 ha.

Quá trình đô thị hóa của tỉnh còn

chậm. Năm 2000, dân số thành thị chiếm 22,21%, năm 2005: 22,14%, năm 2010: 24,02%, năm 2012: 24,07%. Tuy nhiên, ở nhiều địa phương, dân số bị ảnh hưởng nhiều bởi lối sống thành thị, thêm vào đó thu nhập ngày càng tăng lên, nhiều gia đình đã đầu tư nhiều hơn cho con cái về chế độ dinh dưỡng, học tập và các hoạt động văn hóa nghệ thuật.

2.2.2. *Giáo dục, văn hóa, y tế*

- *Giáo dục*: Ngày càng được đầu tư và hoàn thiện, số lượng trường học và chất lượng giáo dục tăng. Phổ cập giáo dục THCS có 184/184 đơn vị cấp xã đạt chuẩn. Tỉnh cũng thường xuyên tổ chức các buổi học tập cộng đồng, nhất là về phát triển sản xuất, các vấn đề xã hội... dành cho người dân tộc thiểu số. Nhờ vậy, trình độ dân trí của người dân cao hơn trước. Người dân ngày càng hiểu biết hơn về dinh dưỡng, chăm sóc sức khỏe, nhiều hủ tục lạc hậu của dân tộc thiểu số cũng được bãi bỏ, mức sinh và mức tử đều giảm, tuổi thọ trung bình tăng lên.

- *Y tế và chăm sóc sức khỏe*: Hệ thống khám, chữa bệnh đã đáp ứng tốt công tác thường trực cấp cứu, điều trị bệnh nhân trên địa bàn tỉnh, chất lượng khám, chữa bệnh từng bước được nâng cao, tiếp tục triển khai công nghệ kỹ thuật cao vào y tế. Mạng lưới y tế cơ sở được củng cố và từng bước nâng cao về chất lượng, đáp ứng nhu cầu khám chữa bệnh ban đầu và phòng, chống dịch bệnh tại cộng đồng. Công tác kiểm tra vệ sinh an toàn thực phẩm được tăng cường. Công tác truyền thông dân số, kế hoạch hóa gia đình được đẩy mạnh, mạng lưới chăm sóc sức khỏe bà mẹ và trẻ em được củng

cổ, thông qua đó nhận thức của người dân về chăm sóc sức khỏe sinh sản, kế hoạch hóa gia đình, phòng chống suy dinh dưỡng ở trẻ em ngày càng được nâng cao.

Tỉ lệ trẻ dưới 1 tuổi được tiêm chủng đầy đủ luôn đạt 89,1%. Tỉ lệ tiêm phòng đủ 2 mũi uốn ván cho phụ nữ có thai đạt cao.

Các phong trào quần chúng tham gia bảo vệ môi trường, vệ sinh xung quanh nơi ở, xây dựng cơ quan, trường học đạt tiêu chuẩn xanh – sạch – đẹp ngày càng nhiều. Ở các thành phố, thị trấn và khu vực trung tâm của các xã đã bắt đầu thu gom rác hộ gia đình và xử lí đúng nơi, đúng chỗ, hợp vệ sinh.

Chương trình nước sạch cũng được chú trọng, ngành y tế đã phối hợp với các ban, ngành liên quan thực hiện chương trình nước sạch ở một số xã vùng sâu vùng xa.

Chính những nhân tố này đã góp phần làm giảm tốc độ gia tăng dân số, trình độ học vấn và sự hiểu biết của người dân ngày càng được nâng cao.

2.2.3. Phong tục tập quán, tâm lí xã hội

Đắk Lắk là tỉnh đa dân tộc, mỗi dân tộc có phong tục tập quán và nếp sống riêng. Trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội, mỗi dân tộc lại tích lũy, hình thành và phát triển vốn tri thức dân gian phong phú của dân tộc mình về lĩnh vực sản xuất, sinh hoạt, bảo vệ, chăm sóc sức khỏe, lối sống, duy trì nòi giống... Bên cạnh những nét độc đáo được bảo tồn đó vẫn tồn tại những tập tục lạc hậu trong hôn nhân và gia đình, chuẩn mực về con cái, quy mô gia đình, tuổi kết hôn... Ở

các dân tộc, phong tục tập quán luôn đóng vai trò quan trọng, đôi khi chi phối toàn bộ đời sống của cộng đồng dân tộc đó. Ví dụ: tục nổi dây, chế độ mẫu hệ... của người dân tộc Ê đê, M'ông, Gia Rai.... Các dân tộc theo chế độ phụ hệ lại coi trọng nam giới, thêm vào đó, hoạt động nông nghiệp là chủ đạo, vì vậy, đây vừa là nguồn nhân lực chính trong gia đình, vừa là người chăm sóc, phụng dưỡng cha mẹ lúc về già.

2.2.4. Tiến bộ khoa học – kĩ thuật

Nền kinh tế tỉnh Đắk Lắk mặc dù còn gặp nhiều khó khăn, nhưng đã có những bước chuyển biến rõ rệt. Có được kết quả đó là nhờ chính sách hỗ trợ của Nhà nước về tài chính, nguồn lực và ứng dụng tiến bộ khoa học kĩ thuật vào sản xuất và đời sống.

Trong sản xuất nông nghiệp, tỉnh đã thay đổi cơ cấu cây trồng với thế mạnh là cây công nghiệp lâu năm, trong đó chủ lực là cà phê, tiêu, cao su. Bên cạnh đó, việc ứng dụng khoa học kĩ thuật, công nghệ mới đã làm cho năng suất cây trồng, vật nuôi chuyên từ nông nghiệp tự túc tự cấp sang nền nông nghiệp hàng hóa, góp phần làm tăng thu nhập và nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân trong những năm gần đây.

Hệ thống cơ sở vật chất và kĩ thuật ngày càng được cải thiện, các tuyến đường giao thông được mở rộng tới tận thôn, buôn.

Giao thông ở Đắk Lắk được đầu tư phát triển mạnh. Mật độ giao thông chỉ tính đến tuyến huyện là 0,15 km/km². Đến năm 2012 có 184/184 xã phường có đường ô tô đến tận trung tâm xã, gồm có

167 đường nhựa, bê tông; 1 đường đá; 14 đường cấp phối; 2 đường đất. Ngoài ra, Đắk Lắk còn có khoảng 4000 km đường liên thôn, buôn và các tuyến đường dọc biên giới Việt Nam – Cam-pu-chia.

Trong lĩnh vực y tế, chăm sóc sức khỏe nhân dân: Công tác y tế và chăm sóc sức khỏe cho người dân luôn được chú trọng, tăng cường, mạng lưới y tế được kiện toàn từ tỉnh đến cơ sở.

Các trang thiết bị kỹ thuật đã được tăng cường, nhiều loại thuốc chữa bệnh mới được đưa vào điều trị, chăm sóc sức khỏe toàn diện cho nhân dân, phòng tránh được nhiều loại bệnh và nâng cao tuổi thọ.

Nhân lực y tế tỉnh Đắk Lắk tăng lên đáng kể trong 12 năm qua. Đa số cán bộ có trình độ từ cao đẳng, đại học trở lên.

Bảng 2. Tình hình nhân lực y tế Đắk Lắk qua các năm 2000-2012

Năm	2000	2004	2008	2012
Số cơ sở y tế	170	189	202	222
Số giường bệnh	1930	2366	3351	4025
Giường bệnh/10.000 dân	12,6	14,5	19,6	22,4
Số cán bộ y tế	2341	2962	4022	4471
CBYT/10.000 dân	15,4	18,1	23,5	24,9

Nguồn: Xử lý từ [1]

2.2.5. Chính sách dân số

Tỉnh đã thực hiện đầy đủ các chính sách dân số mà Nhà nước ban hành trong suốt giai đoạn từ năm 2000 đến năm 2012. Bên cạnh những chính sách đó, Ủy ban nhân dân, Hội đồng tỉnh còn chỉ đạo, thực hiện các chính sách về chăm sóc sức khỏe sinh sản, kế hoạch hóa gia đình, kết hợp với tuyên truyền vận động, tổ chức tập huấn cho cán bộ ngành y tế về công tác dân số, chăm sóc sức khỏe bà mẹ và trẻ em. Tỉnh cũng đặc biệt chú ý đến vấn đề dân số và y tế của đồng bào dân tộc thiểu số.

Các đề án tập trung vào vấn đề đảm bảo hậu cần và cung cấp dịch vụ kế hoạch hóa gia đình; tầm soát các dị dạng, bệnh tật bẩm sinh và kiểm soát tình trạng mất cân bằng giới tính khi sinh; nâng cao

năng lực truyền thông và đánh giá thực hiện chương trình; quản lý thông tin chuyên ngành Dân số - Kế hoạch hóa gia đình.

Tỉnh đã chú trọng triển khai các mô hình, đề án nâng cao chất lượng dân số như: Triển khai đề án “Sàng lọc trước sinh và sàng lọc sơ sinh” tại 72 xã thuộc 5 huyện, thành phố, gồm: thành phố Buôn Ma Thuột, huyện CưMgar, Cư Kuin, Ea Kar và Krông Bông; mô hình “Can thiệp giảm thiểu tình trạng tảo hôn và kết hôn cận huyết thống” được triển khai tại 15 xã thuộc 3 huyện: Lắk; Krông Pắc và Krông Ana; mô hình “Tư vấn và khám sức khỏe tiền hôn nhân”. Năm 2012, thông qua mô hình này, tỉnh đã ra mắt 40 câu lạc bộ của 20 xã, tập huấn về tư vấn tiền hôn nhân cho 160 người; trực

tiếp khám sức khỏe tiền hôn nhân cho 720 người...

Bên cạnh đó, tỉnh cũng đẩy mạnh triển khai các hoạt động truyền thông về dân số - kế hoạch hóa gia đình, trọng tâm là “Truyền thông lồng ghép cung cấp dịch vụ sức khỏe sinh sản/kế hoạch hóa gia đình đến vùng đông dân, vùng có mức sinh cao và vùng khó khăn”.

3. Kết luận

Mặc dù hoạt động nông nghiệp vẫn giữ vị trí chủ đạo trong nền kinh tế của tỉnh, nhưng những tiến bộ của khoa học kỹ thuật cũng đã làm thay đổi đời sống của đại bộ phận dân cư tỉnh Đắk Lắk, chất lượng cuộc sống tăng lên, các hoạt động văn hóa, y tế, giáo dục, chính sách

dân số được đẩy mạnh đã tác động đến ý thức của người dân về dân số và kế hoạch hóa gia đình, các chỉ số về dân số như sinh, tử, tỉ lệ sinh con thứ 3... đều giảm, dân số biến động cả về quy mô, cơ cấu và phân bố dân cư. Dân số tỉnh tăng lên nhưng tốc độ tăng dân số giảm, cơ cấu dân số đang thay đổi theo chiều hướng tích cực và dân cư có xu hướng giãn về vùng sâu vùng xa nhằm mục đích thúc đẩy phát triển kinh tế ở những địa phương còn nhiều khó khăn. Tuy nhiên, sự biến động đó cũng đặt ra những thách thức lớn cho tỉnh, đặc biệt trong việc phân bố và sử dụng lao động sao cho phù hợp với sự phát triển kinh tế - xã hội nhằm đạt được hiệu quả tối ưu.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Cục Thống kê tỉnh Đắk Lắk, *Niên giám thống kê các năm 2000, 2010, 2012*.
2. Nguyễn Minh Tuệ (2009), *Giáo trình Giáo dục Dân số - Sức khỏe sinh sản*, Nxb Giáo dục.
3. Tổng cục Thống kê (2012), *Điều tra biến động dân số và kế hoạch hóa gia đình năm 2012*.
4. Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk (2014), *Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Đắk Lắk đến năm 2020*.

(Ngày Tòa soạn nhận được bài: 13-8-2014; ngày phản biện đánh giá: 20-8-2014;
ngày chấp nhận đăng: 27-7-2015)